

Số:

Kon Tum, ngày tháng năm

BÁO CÁO
Thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh

Sở Tư pháp nhận được bản giấy Công văn số 5361/STC-QLNS ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Sở Tài chính đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành: "*Quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ sản xuất và bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Kon Tum*" (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị quyết). Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết và các văn bản pháp luật có liên quan, căn cứ Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 36 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020), Điều 52 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi tắt là Nghị định số 34/2016/NĐ-CP), Sở Tư pháp báo cáo thẩm định như sau:

1. Sự cần thiết ban hành

Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa quy định: "*Việc sử dụng nguồn kinh phí do người được nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa phải nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 12 và nguồn kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ sản xuất lúa trong dự toán chi cân đối ngân sách địa phương theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Nghị định này do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập trình Hội đồng nhân dân cùng cấp căn cứ điều kiện thực tế của địa phương, quyết định cụ thể nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động quy định tại khoản 2 Điều này*".

Căn cứ các quy định nêu trên, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ sản xuất và bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Kon Tum là cần thiết, phù hợp với quy định của pháp luật và ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Thông báo số 81/TB-TTHĐND ngày 12 tháng 12 năm 2024.

2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

2.1. Phạm vi điều chỉnh: Sở Tư pháp nhận thấy phạm vi điều chỉnh của dự thảo tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị quyết chưa phù hợp, thống nhất với tên gọi của văn bản; chưa thống nhất với tên Điều 1 dự thảo Nghị quyết. Cụ thể, với tên

Điều 1, Nghị quyết sẽ quy định các vấn đề sau: (1). Phạm vi hỗ trợ kinh phí bảo vệ đất trồng lúa; (2). Nguyên tắc hỗ trợ kinh phí bảo vệ đất trồng lúa; (3). Định mức hỗ trợ và sử dụng kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa. Tuy nhiên, nội dung tại Điều 1 dự thảo Nghị quyết chỉ quy định nguyên tắc hỗ trợ, định mức hỗ trợ mà không quy định các nội dung còn lại (*Lưu ý, về bản chất, khoản 4 Điều 1 có tên là "Định mức hỗ trợ đối với nguồn kinh phí bảo vệ đất trồng lúa" nhưng nội dung khoản 4 Điều 1 thực chất là quy định về sử dụng kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa*). Vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét chỉnh lý phạm vi điều chỉnh được dự kiến tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị quyết để đảm bảo thống nhất nội dung Chính phủ giao Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định; đảm bảo thống nhất với tên gọi của dự thảo Nghị quyết, tên gọi Điều 1 dự thảo. Khi bổ sung phạm vi điều chỉnh, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung các nội dung có liên quan cho đầy đủ, phù hợp, thống nhất.

2.2. Đối tượng áp dụng: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo căn cứ quy định tại Điều 2 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP để biên tập lại đối tượng áp dụng được dự kiến tại khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết cho phù hợp, đầy đủ.

3. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật; sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với văn bản đã giao cho Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chi tiết

Sở Tư pháp nhận thấy, về cơ bản, dự thảo Nghị quyết không đặt ra các quy định trái với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và cơ bản thống nhất với các văn bản đã được Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét lại nội dung sau:

3.1. Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét điều chỉnh các nội dung đã nêu tại mục 2 của báo cáo này.

3.2. Tên Điều 1 dự thảo Nghị quyết là: "Quy định phạm vi, nguyên tắc, định mức hỗ trợ và sử dụng kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Kon Tum". Tuy nhiên, Điều 1 còn quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng. Như vậy, nội dung Điều 1 không phù hợp với tên Điều 1. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh lý để đảm bảo thống nhất giữa nội dung của Điều và tên gọi của Điều.

3.3. Tên của khoản 4 Điều 1 dự thảo Nghị quyết là định mức hỗ trợ, tuy nhiên các nội dung trong khoản 4 Điều 1 dự thảo Nghị quyết là các quy định về sử dụng kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa. Như vậy, nội dung trong khoản chưa phù hợp, thống nhất với tên của khoản. Vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu xem xét lại quy định tại khoản 4 Điều 1 dự thảo Nghị quyết.

3.4. Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa quy định: "*Việc sử dụng nguồn kinh phí do người được nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng*

vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa phải nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 12 và nguồn kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ sản xuất lúa trong dự toán chi cân đối ngân sách địa phương theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Nghị định này do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập trình Hội đồng nhân dân cùng cấp căn cứ điều kiện thực tế của địa phương, quyết định cụ thể nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động quy định tại khoản 2 Điều này". Theo đó, Chính phủ giao Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP⁽¹⁾. Tuy nhiên, tại dự thảo Nghị quyết chưa quy định phạm vi hỗ trợ và định mức hỗ trợ, khoản 1 Điều 1 quy định về phạm vi điều chỉnh và các nội dung quy định tại khoản 4 Điều 1 dự thảo Nghị quyết là quy định về sử dụng kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa. Vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP để tham mưu quy định đầy đủ các nội dung được Chính phủ giao.

3.5. Tại khoản 3 Điều 1 dự thảo Nghị quyết có quy định: "... áp dụng khoa học và công nghệ hiện đại cho vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao", đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét lại quy định nêu trên vì tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP quy định các hoạt động sử dụng kinh phí hỗ trợ không bao gồm nội dung về áp dụng khoa học và công nghệ hiện đại cho vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao. Bên cạnh đó, tại Điều 16 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP quy định cụ thể chính sách đầu tư, hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng, áp dụng khoa học và công nghệ hiện đại cho vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao.

3.6. Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét tách quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng thành một điều riêng và quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ sản xuất và bảo vệ đất trồng lúa thành một điều riêng.

3.7. Tại phần Nơi nhận xem xét biên tập lại như sau: "*Vụ Pháp chế - Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Vụ Pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường; Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp*" cho phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 121 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật⁽²⁾; bổ sung cơ quan nhận văn bản là "*Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính*" cho đầy đủ, phù hợp với quy định.

⁽¹⁾ Nguồn kinh phí tại khoản 1 Điều này được sử dụng cho các hoạt động sau: "a) Hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa: sử dụng giống lúa hợp pháp để sản xuất; áp dụng quy trình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; xây dựng mô hình trình diễn; hoạt động khuyến nông; tổ chức đào tạo, tập huấn, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; b) Cải tạo, nâng cao chất lượng đất trồng lúa; c) Đánh giá tính chất lý, hóa học; xây dựng bản đồ nông hóa thổ nhưỡng vùng đất chuyên trồng lúa theo định kỳ 05 năm/lần; d) Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã; đ) Hỗ trợ mua bán quyền sở hữu giống lúa được bảo hộ".

⁽²⁾ Đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 25 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

3.8. Theo dự kiến tại khoản 2 Điều 4 dự thảo, Nghị quyết định có hiệu lực từ ngày ký ban hành. Nghị quyết được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh cho phép xây dựng, ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn thì có thể có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc ký chứng thực. Như vậy, quy định trên là không trái với quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Tuy nhiên, để đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 74 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, vẫn cần phải xác định cụ thể ngày, tháng, năm có hiệu lực thi hành của văn bản. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi thời điểm văn bản được Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh theo dõi thời điểm văn bản được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua hoặc thời điểm Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh ký chứng thực để xác định cụ thể ngày, tháng, năm có hiệu lực của văn bản cho phù hợp.

3.9. Đối với các định mức hỗ trợ, mức sử dụng kinh phí đề nghị cơ quan soạn thảo phối hợp với các cơ quan có liên quan căn cứ theo tình hình thực tiễn tại địa phương tính toán, xác định cho phù hợp trước khi tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định (*Sở Tư pháp không thẩm định đối với nội dung này*).

4. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Sở Tư pháp nhận thấy, về cơ bản dự thảo Nghị quyết đã được trình bày đúng quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Chương V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP⁽³⁾; Mẫu số 16 của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ. Tuy nhiên, khi viện dẫn văn bản đề nghị thực hiện theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 75 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP⁽⁴⁾ (*đã được sửa đổi, bổ sung theo khoản 24 Điều 1 Nghị định số 59/2024/NĐ-CP*). Bên cạnh đó, để tách bạch giữa từng nội dung quy định, cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, tách các khoản của Điều 1 thành các Điều riêng.

5. Trình tự, thủ tục xây dựng văn bản

Dự thảo Nghị quyết được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định xây dựng theo trình tự, thủ tục rút gọn. Cơ quan chủ trì soạn thảo đã tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan đối với dự thảo Nghị quyết theo quy định tại Điều 148 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (*đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020*).

6. Điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh

⁽³⁾ Đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP và Nghị định số 59/2024/NĐ-CP

⁽⁴⁾ Khi viện dẫn lần đầu luật, pháp lệnh phải ghi tên loại, tên gọi của văn bản và số, ký hiệu văn bản; đối với các văn bản khác, phải ghi tên loại, số, ký hiệu của văn bản, ngày, tháng, năm thông qua hoặc ký ban hành văn bản, tên cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản và tên gọi của văn bản. Trong lần viện dẫn tiếp theo, đối với luật, pháp lệnh, phải ghi tên loại và tên gọi của văn bản; đối với các văn bản khác, phải ghi tên loại, số, ký hiệu của văn bản

Sở Tư pháp nhận thấy, dự thảo Nghị quyết **chỉ đủ điều kiện trình** Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh sau khi cơ quan chủ trì soạn thảo điều chỉnh lại một số nội dung và thực hiện các đề nghị khác được nêu trong Báo cáo này. Hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 149 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật⁽⁵⁾.

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo khi tiếp nhận Báo cáo thẩm định thực hiện việc tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết hoặc giải trình (*trong trường hợp không tiếp thu ý kiến thẩm định*). Khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, đồng thời gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo dự thảo Nghị quyết đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp để theo dõi theo quy định tại Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật⁽⁶⁾. Hồ sơ trình Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 149 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Trên đây là Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: "*Quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ sản xuất và bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Kon Tum*". Kính gửi Sở Tài chính theo đề nghị./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Sở;
- Văn phòng Sở;
- Lưu VT, XDKTr&PBPL/STP.

GIÁM ĐỐC

Trần Minh Thắng

⁽⁵⁾ Đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 47 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

⁽⁶⁾ Đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 36 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.